TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án số: 69/2018/HSST
Ngày: 10/8/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH
Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông ***Hùng Minh Sang***.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông ***Nguyễn Văn Ba.***

+ Ông ***Lê Văn Mai.***

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà ***Doãn Thị Hằng***, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Ông ***Đặng Hữu Công***, Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2018/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/HSST-QĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Chu Văn Đ, sinh năm: 1995. Tại Đồng Nai.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 7, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Chu Văn M và bà Giáp Thị N.

Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình.

Vợ Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm: 1995 (không đăng ký kết hôn). Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án: Ngày 18/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 09/6/2016. Bản án số 197/2015/HSST.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 30/3/2018, sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (bị cáo ra đầu thú).

(bị cáo có mặt).

+ **Người bị hại**:

Anh Nguyễn Minh D, sinh năm: 1997.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1960.
Hộ khẩu thường trú: ấp 8, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(người bị hại anh D, ông T có mặt)

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**:

Anh Đỗ D T, sinh năm: 1992.
Hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phước Cơ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Anh Phan Văn Đ, sinh năm: 1972.
Hộ khẩu thường trú: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(anh Đ1có mặt, anh T vắng mặt)

+ **Người làm chứng**:
Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1986.
Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Anh Phạm Văn T1, sinh năm: 1991.
Hộ khẩu thường trú: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Anh Nguyễn Chí N, sinh năm: 1991.
Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Anh Trần Hải L, sinh năm: 1978.
Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Anh Phạm Đình H, sinh năm: 1981.
Hộ khẩu thường trú: xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(các người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Chu Văn Đ là người đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng chưa Đ xóa án tích. Lúc khoảng 06 giờ ngày 28/8/2017, Đ nhờ Nguyễn D M chở Đ đến ấp 2, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai để gặp anh P (không rõ lai lịch, địa chỉ) D đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô loại Exciter màu trắng xanh biển số 60C1 – 311.52 chở Đ đi đến nhà anh P, đến nơi P nhờ D chở Đ và P đến tiệm vật liệu xây dựng PQ ở ấp 1, xã C để đi làm nhưng D không đồng ý. Lúc này, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của D, Đ nói với D cho Đ mượn xe đi vào nhà bạn lấy xe. D đồng ý đưa xe cho Đ, sau khi mượn Đ xe Đ điều khiển xe trên đến cây xăng thuộc khu vực xã P để đổ xăng, khi mở cốp xe Đ phát hiện bên trong có một cái ví, bên trong ví có một số giấy tờ và số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Đ lấy ví bỏ vào túi quần và điều khiển xe của D đến nhà chị Nguyễn Thị Kim O ở xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến nơi, Đ nhờ chị O tìm giúp người cầm xe, chị O nói không biết ai cầm. Đ điều khiển xe đến tiệm Game bắn cá ở gần đó (hiện không nhớ tên tiệm Game trên) để chơi, khi thua hết số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), Đ cầm xe của D với giá 8.000.000đồng (tám triệu đồng) để chơi tiếp, sau đó thua hết tiền. Đ đi xe ôm quay trở lại nhà

chị O, nhờ chị O tìm người bán xe mô tô. Lúc này, chị O gọi điện thoại cho Phạm Văn T1 nhờ T1 tìm người mua xe. Sau đó, T1 dẫn Nguyễn Chí N đến gặp Đ, N đồng ý mua xe với giá 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) mang về sử dụng. Đến tháng 12/2017, N bán xe trên lại cho Đỗ D T với giá 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), do T không có chứng minh nhân dân nên T nhờ Trần Hải L bạn T đứng ra mua dùm T để làm thủ tục sang tên, T đăng ký sang tên tại Công an huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khoảng 02 tuần sau T đến Công an huyện Long Điền nhận giấy đăng ký xe mới. Đến ngày 30/3/2018, Đ đến Công an huyện Long Thành đầu thú.

Ngoài ra, Đ còn khai nhận. Lúc khoảng 8 giờ ngày 20/01/2018, Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến nhà của ông Nguyễn Văn T ở xã C, huyện T để tìm tài sản trộm cắp. Đến nơi, Đ để xe mô tô bên ngoài rồi trèo tường vào bên trong, khi vào Đ bên trong Đ thấy 01 máy cắt và 01 máy hàn để trước hiên nhà. Đ liền trộm cắp bỏ lên xe chở về phòng trọ của Đ thuê tại nhà nghỉ T Bình cất giấu. Đến khoảng 08 giờ sáng 21/01/2018, Đ gặp Phạm Đình H, Đ hỏi H có mua máy cắt, máy hàn không, anh H không mua mà gọi điện thoại cho anh Phan Văn Đ1, anh Đ1đồng ý mua. Sau đó, Đ dẫn anh Đ1vào nhà nghỉ để xem máy, anh Đ1trả giá 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), anh Đ1trả trước cho Đ 1.000.000đồng (một triệu đồng), số tiền còn lại hẹn hôm sau sẽ đưa. Sau khi nhận máy anh Đ1phát hiện máy cắt bị hư nên anh Đ1chỉ trả cho Đ thêm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 311.52.

- 01 máy cắt cầm tay hiệu Posh.

- 01 máy hàn cơ hiệu Mỹ.

- 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Minh D.

- 01 thẻ ATM tên Nguyễn Minh D.

- 01 chứng minh nhân dân Nguyễn Minh D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL.ĐGTSTT ngày 03/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận:

01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 311.52 có trị giá 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 16/KL.ĐGTSTT ngày 10/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận:

- 01 máy cắt cầm tay hiệu Posh trị giá 400.000đồng (bốn trăm ngàn đồng).

- 01 máy hàn cơ hiệu Mỹ trị giá 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Bản cáo trạng số: 75/CT-VKSLT ngày 05/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Chu Văn Đ về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản' theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội 'Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo Đ bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Minh D số tiền

2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), bồi thường cho anh Đỗ D T số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) và bồi thường cho anh Phan Văn Đ1số tiền 1.300.000đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành nhận định vẫn bảo lưu quan điểm truy tố đối với bị cáo Chu Văn Đ tại Bản cáo trạng số: 75/CT-VKSLT ngày 05/7/2018. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Đ mức án từ 18 đến 20 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 12-14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo Đ bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Minh D số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) và bồi thường cho anh Đỗ D T số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng). Bồi thường cho anh Phan Văn Đ1 1.300.000đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Các người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định. Vào ngày 28/8/2017, bị cáo Đ sau khi nẩy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh D, Đ chủ động đề nghị anh D cho mượn xe mô tô nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, vì tin tưởng nên anh D cho Đ mượn xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 311.52, sau khi có xe bị cáo phát hiện số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) để trong cốp xe của anh D, bị cáo chiếm đoạt số tiền trên, mang xe đi cầm cố và bán luôn xe anh D để lấy số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), tất cả số tiền trên bị cáo dùng vào việc chơi game bắn cá và sử dụng ma túy. Sau khi định giá xe mô tô của anh D có trị giá 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

Ngoài ra ngày 20/01/2018, bị cáo Đ còn có hành vi lén lút trèo tường vào nhà ông T chiếm đoạt của ông T 01 máy cắt cầm tay hiệu Posh và 01 máy hàn cơ hiệu Mỹ, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.400.000đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Các hành vi trên của bị cáo Đ đã cấu T các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự

năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đ là gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác Đ Pháp luật bảo vệ, mặt khác còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo gây án. Bị cáo đã thực hiện tội phạm bất chấp sự trừng trị của Pháp luật, vụ án bị phát hiện là ngoài ý thức mong muốn của bị cáo, bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã có tiền án chưa Đ xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo phải tu chí làm ăn lương thiện nhưng bị cáo lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Đ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với tội "Trộm cắp tài sản". Có thể thấy bị cáo rất xem thường pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo phạm hai tội là 'Lừa đảo chiếm đoạt tài sản' và 'Trộm cắp tài sản', cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo Đ, quá trình Cơ quan điều tra và trước phiên tòa công khai đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Đ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với tội Trộm cắp tài sản.

Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Ngoài ra trong vụ án này còn có Nguyễn Chí N và Đỗ D T có hành vi mua xe của Đ, Phan Văn Đ1có hành vi mua của Đ 01 máy cắt và 01 máy hàn. Chị Nguyễn Thị Kim O, Phạm Văn T1 là những người giới thiệu cho Đ bán xe, Trần Hải L là người đứng tên thay cho T khi T mua xe của N, anh Phạm Đình H là người giới thiệu để cho Đ bán máy cắt và máy hàn. Tuy nhiên, T, N, O, T1, L, H và Đ1đều không biết những tài sản trên do Đ phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố đối với T, N, O, T1, L, H và Đ1là đúng theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm dân sự:

Tài sản chiếm đoạt là 01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 311.52 của anh Nguyễn Minh D, 01 máy cắt cầm tay hiệu Posh và 01 máy hàn cơ hiệu Mỹ của ông Nguyễn Văn T đã Đ thu hồi hoàn trả cho anh D và ông T. Riêng số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) Đ chiếm đoạt của anh D để trong cốp xe mô tô và số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) anh Đỗ D T mua lại xe do Đ phạm tội mà có, 1.300.000đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền mà anh Đ1mua máy cắt và máy hàn của Đ, hiện bị cáo chưa bồi thường cho anh Đ1, anh D và anh T. Anh D, anh Đ1và anh T yêu cầu bị cáo Đ phải bồi

thường số tiền trên. Cần buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho anh D số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), anh T số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) và anh Đ1 số tiền 1.300.000đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Xử lý vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Exciter biển số 60C1 – 311.52 đã thu hồi trả lại anh Nguyễn Minh D. 01 máy cắt cầm tay hiệu Posh và 01 máy hàn cơ hiệu Mỹ đã thu hồi trả lại cho ông Nguyễn Văn T. 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Minh D, 01 thẻ ATM tên Nguyễn Minh D và 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Minh D hiện bị cáo đã bỏ thất lạc. Anh D và ông T không yêu cầu gì nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Chu Văn Đ phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản' và 'Trộm cắp tài sản " .

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 48; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 357; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự. khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Chu Văn Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản ". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2018.

Buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho anh Nguyễn Minh D số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), anh Đỗ D T số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) và anh Phan Văn Đ1số tiền 1.300.000đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày anh D, anh T và anh Đ1có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Đ chậm trả tiền thì bị cáo Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền Đ xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không Đ vượt quá mức lãi suất Đ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 790.000đồng (bảy trăm chín mươi ngàn đồng) áp phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt Đ quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt Đ quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
VKSND.H Long T (1).
Công an H Long T (1).
THA (1).
Bị cáo (1).
Người bị hại (2).
Người có QLNVLQ (1).
Lưu hồ sơ (1).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hùng Minh Sang